

Số: 791/QĐ-ĐHNT

Khánh Hòa, ngày 17 tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng hệ chính quy quý III/2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 155/CP ngày 16/8/1966 của Hội đồng Chính phủ về việc thành lập và quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trường Thủy sản nay là Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19/11/2018 và Nghị định 99/2019NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Nghị quyết số 340/NQ-ĐHNT ngày 24/3/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-ĐHNT ngày 26/3/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc Ban hành Quy chế quản lý văn bằng, chứng chỉ của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 753/QĐ-ĐHNT ngày 13/8/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nha Trang về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Nha Trang;

Căn cứ kết quả học tập của sinh viên Khoa Du lịch Trường Đại học Nha Trang;

Theo đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp và Trường phòng Đào tạo Đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng Đại học chính quy cho 562 sinh viên; cấp bằng Cao đẳng chính quy cho 10 sinh viên, vì đã hoàn thành chương trình đào tạo toàn khóa theo quy chế:

A. Đại học chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K57 2015 - 2019	K58 2016 - 2020	K59 2017 - 2021	K60 2018 - 2022	K61 2019 - 2023	Cộng
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	02	01	01	09	111	124
2	Quản trị khách sạn					436	436

B. Đại học chính quy (Bảng 2)

TT	Ngành tốt nghiệp	K62 2020-2022	Cộng
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	01	01
2	Quản trị khách sạn	01	01

C. Cao đẳng chính quy

TT	Ngành tốt nghiệp	K60 2018-2021	K61 2019-2022	Cộng
1	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	03	02	05
2	Quản trị khách sạn		05	05

Điều 2. Trường phòng liên quan, Khoa Du lịch và các sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: Văn thư, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

Trang Sĩ Trung

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2023

Theo Quyết định số 791 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 7 năm 2023

Loại hình đào tạo: Đại học chính quy

1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	57131813	Lê Hoài Nhân	16/11/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.QTDL-1	2015-2019
2	57132070	Nguyễn Thanh Sơn	01/01/1997	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	57.QTDL-2	2015-2019
3	59132228	Bùi Hồng Thái	28/07/1997	Hà Tĩnh	Nam	Khá	59.QTDL	2017-2021
4	60135894	Đỗ Thanh Lâm	20/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.QTDL-1	2018-2022
5	60137467	Nguyễn Khắc Tuyền	03/06/2000	Nam Định	Nam	Trung bình	60.QTDL-1	2018-2022
6	60136732	Nguyễn Hữu Sang	18/09/2000	Phú Yên	Nam	Khá	60.QTDL-2	2018-2022
7	61132991	Bùi Thị Ngọc Mỹ Á	24/12/2001	Cà Mau	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
8	61131629	Phùng Đình Ân	15/10/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
9	61132912	Phạm Hồng Anh	13/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
10	61133229	Nguyễn Thị Thanh Bình	12/08/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
11	61130121	Nguyễn Trần Công Danh	29/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
12	61132737	Khổng Thị Mỹ Diễm	09/04/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
13	61130156	Phan Thị Mỹ Diệu	11/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
14	61131688	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	09/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
15	61133497	Nguyễn Hương Diệu	11/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
16	61130213	Trần Thị Mỹ Duyên	14/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
17	61133551	Trần Kim Tiến Duyên	01/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
18	61132398	Lương Minh Đáng	12/01/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
19	61131677	Nguyễn Hữu Đạt	03/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
20	61132616	Phạm Minh Đức	25/12/1999	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
21	61131729	Nguyễn Thị Thu Hà	15/09/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
22	61130247	Nguyễn Thị Thu Hân	14/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
23	61130277	Lê Nguyễn Diệu Hiền	26/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
24	61131780	Huỳnh Thị Ngọc Hòa	23/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
25	61131790	Đinh Quý Hội	31/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
26	61133685	Phan Xuân Hội	01/10/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
27	61130419	Trần Trương Thái Huyền	19/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
28	61133797	Phạm Quốc Khánh	26/04/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
29	61132641	Tào Viết Khoa	13/03/2001	Quảng Nam	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
30	61133805	Huỳnh Đăng	Khoa	18/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
31	61130478	Nguyễn Hồng	Lam	07/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
32	61130556	Đinh Công	Lương	28/11/2001	Hà Nam	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
33	61132587	Mai Xuân Tô	Nga	28/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
34	61131986	Nguyễn Thị	Nhi	24/12/2000	Thanh Hóa	Nữ	Trung bình	61.QTDL-1	2019-2023
35	61130829	Võ Trọng Cẩm	Nhung	11/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
36	61132007	Cao Thị	Nhung	11/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
37	61134138	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	10/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
38	61132356	Nguyễn Thị Ngọc	Nữ	20/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
39	61133007	Nguyễn Đông	Phú	25/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
40	61130931	Hồ Nữ Ngọc	Quy	16/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
41	61132072	Nguyễn Lâm	Sim	06/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
42	61132681	Hồ Thị Mỹ	Son	31/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
43	61132081	Lê Thịnh	Tài	01/10/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
44	61131026	Nguyễn Trường	Tân	22/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
45	61131032	Võ Phước	Tấn	03/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
46	61132098	Huỳnh Xuân	Thắng	14/03/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
47	61132120	Vũ Thu	Thảo	30/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
48	61134380	Trịnh Văn	Thảo	15/11/2001	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
49	61134394	Nguyễn Ngọc	Thiện	28/02/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
50	61132975	Trần Thị	Thu	31/05/2001	Thái Bình	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
51	61131304	Lê Thị Ngọc	Trâm	16/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
52	61131305	Lê Thùy	Trâm	11/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
53	61134529	Trần Hoàng Quỳnh	Trâm	03/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
54	61134617	Hồ Nhật Cẩm	Tú	07/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-1	2019-2023
55	61131506	Nguyễn Vũ Bảo	Uyên	01/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTDL-1	2019-2023
56	61132287	Võ Thị Khắc	Vy	03/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
57	61132474	Nguyễn Đỗ Tường	Vy	11/01/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
58	61133283	Hồ Thị	Xuyến	20/06/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-1	2019-2023
59	61131641	Phan Hồng	Anh	18/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
60	61132994	Phạm Thị Lộc	Anh	01/01/2000	Lâm Đồng	Nữ	Trung bình	61.QTDL-2	2019-2023
61	61130063	Nguyễn Văn	Bình	20/01/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
62	61131665	Trần Thị Thu Dân	12/10/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
63	61130167	Nguyễn Dương Văn Dũ	24/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
64	61133485	Nguyễn Tuấn Đạt	03/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	61.QTDL-2	2019-2023
65	61130162	Phạm Thanh Đoàn	08/01/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
66	61131791	Lê Thị Thúy Hồng	10/09/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
67	61130344	Đỗ Thị Mỹ Huệ	15/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
68	61133766	Nguyễn Thị Diệu Huyền	29/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-2	2019-2023
69	61130457	Đỗ Nhật Khuê	24/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
70	61131854	Võ Quỳnh Lê	15/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
71	61132337	Lê Nhật Lệ	16/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
72	61133868	Huỳnh Thị Kiều Linh	01/09/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
73	61130539	Võ Xuân Lộc	01/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
74	61131913	Lương Thị Hồng Mi	18/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
75	61131926	Trần Thị Thế Nam	07/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
76	61131930	Nguyễn Nguyệt Nga	15/05/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
77	61132422	Trần Thị Kim Ngân	04/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTDL-2	2019-2023
78	61131966	Nguyễn Huỳnh Trung Nguyên	10/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
79	61131970	Phan Nguyễn Hoài Nhã	15/07/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTDL-2	2019-2023
80	61131980	Đặng Vũ Long Nhật	17/05/2001	Phú Yên	Nam	Trung bình	61.QTDL-2	2019-2023
81	61132361	Võ Tùng Khánh Phương	23/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
82	61133157	Lê Trần Bảo Quyên	17/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
83	61132734	Nguyễn Thị Minh Quỳnh	10/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
84	61134266	Quách Thị Như Quỳnh	21/06/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
85	61132680	Đặng Hữu Sang	10/05/2001	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	61.QTDL-2	2019-2023
86	61132682	Nguyễn Thị Thu Sương	13/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
87	61133169	Trần Thị Sương	07/03/2001	Quảng Trị	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
88	61133170	Nguyễn Đăng Thanh Tâm	23/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
89	61131022	Lê Nguyễn Duy Tân	18/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
90	61132967	Lê Nguyễn Đình Tân	25/09/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
91	61132687	Đỗ Hồng Thẩm	20/04/2001	Gia Lai	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
92	61134335	Đỗ Anh Thắng	05/10/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
93	61132105	Nguyễn Tiến Thành	25/06/2001	Ninh Thuận	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
94	61131093	Nguyễn Thị Quốc Thảo	04/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
95	61131110	Lê Đăng Thi	16/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
96	61131138	Trần Gia Thịnh	11/11/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
97	61134413	Trương Huỳnh Kim Thòa	01/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
98	61131164	Nguyễn Thị Minh Thu	11/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
99	61131365	Phan Nguyễn Thanh Trang	10/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
100	61133297	Lê Thị Trang	12/05/2001	Thái Bình	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
101	61132226	Nguyễn Minh Trường	29/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
102	61131582	Nguyễn Lê Khả Vy	17/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
103	61132284	Nguyễn Tường Vy	09/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDL-2	2019-2023
104	60130327	Phan Văn Hòa	02/03/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.QTDLP	2018-2022
105	60130724	Nguyễn Thị Yến Nhi	21/01/1998	Rịa - Vũng T	Nữ	Trung bình	60.QTDLP	2018-2022
106	60130953	Võ Thị Thanh Thảo	05/02/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	60.QTDLP	2018-2022
107	61133028	Võ Thị Trang Ánh	13/06/2001	Bình Định	Nữ	Trung bình	61.QTDLP	2019-2023
108	61132764	Nguyễn Đức Cường	28/04/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDLP	2019-2023
109	61132627	Đinh Thị Hiệp	08/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
110	61132779	Phạm Huỳnh Minh Hoàng	08/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
111	61137004	Võ Thị Hồng Ngọc	15/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
112	61133132	Nguyễn Thị Hồng Nhạn	12/09/2001	Phú Yên	Nữ	Trung bình	61.QTDLP	2019-2023
113	61133263	Nguyễn Cao Đại Phú	12/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.QTDLP	2019-2023
114	61134179	Nguyễn Thành Phú	22/12/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDLP	2019-2023
115	61132362	Võ Thị Hiền Quy	21/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
116	61132591	Đinh Anh Quỳnh	03/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
117	61134359	Lê Trịnh Đạt Thành	22/08/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDLP	2019-2023
118	61131128	Mai Hồ Phúc Thiện	01/01/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTDLP	2019-2023
119	61132720	Huỳnh Thị Khánh Vy	02/09/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
120	61133301	Huỳnh Thị Như Ý	17/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTDLP	2019-2023
121	58130516	Nguyễn Thị Huyền Trang	09/07/1998	Khánh Hòa	Nữ	Khá	58.QTKS-2	2016-2020
122	60130055	Nguyễn Thị Thanh Bình	14/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60.QTKS-1	2018-2022
123	60137538	Nguyễn Tấn Văn	31/10/2000	Khánh Hòa	Nam	Khá	60.QTKS-3	2018-2022
124	60137380	Phạm Quang Trường	05/12/2000	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	60.QTKS-5	2018-2022

Danh sách có 124 sinh viên

2. Quản trị Khách sạn

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61131632	Đặng Phương Anh	12/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
2	61131637	Nguyễn Ngọc Minh Anh	11/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
3	61133026	Huỳnh Thị Ngọc Ánh	15/08/2001	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
4	61130055	Châu Thanh Bình	23/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
5	61133446	Đào Thị Chung	25/12/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
6	61133517	Ngô Thị Kim Dung	23/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
7	61130203	Nguyễn Thị Cẩm Duyên	29/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
8	61132618	Nguyễn Ngọc Mỹ Duyên	25/06/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
9	61130256	Nguyễn Thuý Hằng	21/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
10	61133592	Nguyễn Thị Thúy Hằng	13/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
11	61130260	Hồ Minh Hạnh	22/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
12	61130353	Nguyễn Phi Hùng	15/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
13	61132633	Nguyễn Thanh Hương	30/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
14	61133716	Nguyễn Huỳnh Xuân Hương	30/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
15	61131833	Phùng Minh Khoa	20/02/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
16	61132998	Lê Thị Lài	19/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
17	61133097	Nguyễn Thanh Lâm	21/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
18	61131855	Nguyễn Thị Lệ	22/06/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
19	61130504	Hà Thị Thúy Linh	24/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
20	61130533	Trương Thị Bích Linh	26/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
21	61133873	Lê Thùy Linh	09/10/2001	Gia Lai	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
22	61131895	Đoàn Trần Ái Ly	09/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
23	61131920	Huỳnh Trúc My	08/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
24	61130693	Nguyễn Thị Kim Ngọc	29/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTKS-1	2019-2023
25	61133004	Nguyễn Bảo Ngọc	19/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
26	61130761	Nguyễn Thị Bảo Nhi	10/05/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
27	61134103	Phạm Đặng Tuyết Nhi	15/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
28	61130813	Vũ Quỳnh Như	04/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
29	61132740	Nguyễn Quỳnh Như	10/07/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
30	61130823	Nguyễn Phương Nhung	22/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
31	61130824	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	27/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
32	61133142	Đỗ Tuyết	Nhung	24/05/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
33	61134139	Nguyễn Thị Phi	Nhung	05/06/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
34	61130836	Lại Thị Thảo	Ny	26/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
35	61130880	Nguyễn Thị Hồng	Phụng	14/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
36	61132042	Lê Thị Thu	Quyên	27/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
37	61132052	Đạt Nữ Diễm	Quỳnh	20/05/2001	Ninh Thuận	Nữ	Trung bình	61.QTKS-1	2019-2023
38	61133166	Đinh Thị Kim	Son	12/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
39	61131037	Nguyễn Tấn	Thái	16/02/2001	Ninh Thuận	Nam	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
40	61131059	Nguyễn Ngọc	Thanh	05/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
41	61131074	Phạm Thị Mỹ	Thành	25/12/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
42	61131121	Trần Anh	Thi	13/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
43	61131145	Huỳnh Kim	Thoa	03/05/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
44	61131191	Nguyễn Thị Minh	Thư	26/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
45	61132147	Võ Ngọc Anh	Thư	18/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
46	61136502	Lê Thị	Thư	24/05/2001	Nghệ An	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
47	61134446	Cà Thị Ánh	Thương	02/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
48	61132170	Nguyễn Triều	Tiên	19/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
49	61134480	Lê Thị Cẩm	Tiên	30/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
50	61131313	Nguyễn Thị Vĩnh	Trâm	02/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
51	61132707	Trần Hoàng Bảo	Trâm	23/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
52	61132192	Hoàng Bảo	Trân	23/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
53	61132210	Văn Mỹ Huyền	Trang	15/07/2001	Phú Yên	Nữ	Trung bình	61.QTKS-1	2019-2023
54	61131386	Nguyễn Thị	Trinh	05/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
55	61134592	Võ Bạch	Trúc	09/06/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
56	61131444	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	31/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
57	61131476	Võ Thị Bích	Tuyền	28/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTKS-1	2019-2023
58	61132240	Lê Thanh	Tuyền	13/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
59	61132981	Lê Thị Ánh	Tuyết	28/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
60	61131586	Nguyễn Phan Hải	Vy	02/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
61	61131591	Phan Nguyễn Thanh	Vy	01/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
62	61134726	Nguyễn Ngọc Gia	Vy	09/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
63	61131614	Phạm Ngọc Xuân	Yên	20/01/2001	Ninh Thuận	Nữ	Giỏi	61.QTKS-1	2019-2023
64	61132297	Dương Thị Kim	Yên	30/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-1	2019-2023
65	61130001	Nguyễn Hoàng Khả	Ái	30/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
66	61131635	Hà Trúc	Anh	08/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
67	61133355	Đinh Việt	Anh	03/01/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
68	61133365	Trần Thị Kim	Anh	09/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
69	61131662	Phùng Ngọc	Chung	16/03/2001	TP Hà Nội	Nam	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
70	61130170	Châu Thị Mỹ	Dung	09/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
71	61130209	Phan Phùng Khánh	Duyên	09/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
72	61132887	Tâm Thị Mỹ	Duyên	24/11/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
73	61130138	Nguyễn Tiến	Đạt	12/08/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
74	61131730	Nguyễn Thị Thu	Hà	26/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
75	61131738	Phan Thị Mỹ	Hân	07/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
76	61130259	Mai Thị Hồng	Hạnh	16/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
77	61130292	Phạm Thị Ngọc	Hiệp	03/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
78	61133648	Nguyễn Thị Bích	Hoa	15/04/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
79	61133080	Nguyễn Thị Thanh	Hường	26/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
80	61130418	Trần Khánh	Huyền	27/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
81	61131818	Đoàn Thanh	Huyền	08/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
82	61133855	Bùi Thị Mỹ	Lệ	09/05/2001	Gia Lai	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
83	61130534	Võ Thị Mỹ	Linh	05/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
84	61131875	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	09/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
85	61131898	Ngô Thị Trúc	Ly	10/08/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
86	61132344	Nguyễn Thị Quỳnh	My	28/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
87	61133993	Nguyễn Thị Thanh	Nga	23/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
88	61130663	Trần Thị Kim	Ngân	20/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
89	61131943	Trần Thị Hiếu	Ngân	26/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
90	61131944	Trần Thị Thanh	Ngân	14/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
91	61130695	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	06/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
92	61130696	Nguyễn Thùy Như	Ngọc	14/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
93	61131975	Lê Thị Mỹ	Nhân	03/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
94	61130763	Nguyễn Thị Yến	Nhi	25/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
95	61131984	Lê Thị Yến	Nhi	06/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
96	61134111	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	22/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
97	61130837	Biện Thị Kim	Oanh	23/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
98	61132437	Trần Thu	Phương	24/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
99	61132044	Nguyễn Thị Ngọc	Quyên	21/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
100	61132055	Nguyễn Như	Quỳnh	05/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
101	61133160	Kiều Thị Như	Quỳnh	07/06/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
102	61131019	Trương Thị Khánh	Tâm	03/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
103	61131063	Phạm Yến	Thanh	09/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
104	61131087	Lê Thị Xuân	Thảo	20/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
105	61131090	Nguyễn Thanh	Thảo	24/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
106	61134379	Trần Thị	Thảo	20/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
107	61132121	Huỳnh Thị	Thi	19/05/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
108	61131148	Nguyễn Thị	Thoa	08/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
109	61132143	Lưu Hoàng Anh	Thư	30/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
110	61131199	Nguyễn Tiên	Thuần	13/12/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
111	61133275	Nguyễn Anh	Thy	11/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
112	61132171	Lê Viết	Tiến	04/02/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
113	61134508	Huỳnh Thị Xuân	Tình	13/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
114	61131319	Võ Nguyễn Hoàng	Trâm	18/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
115	61134523	Nguyễn Thị Bích	Trâm	05/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
116	61132193	Lý Nhã	Trân	05/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
117	61132196	Nguyễn Lưu Ánh	Trân	01/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
118	61131350	Lưu Diễm Thủy	Trang	12/05/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
119	61132309	Đỗ Quỳnh	Trang	15/09/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
120	61131392	Phạm Thị Ngọc	Trinh	02/08/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
121	61134580	Trần Thị Nguyệt	Trinh	23/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
122	61131415	Võ Ngọc Thủy	Trúc	18/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
123	61132547	Lê Thị Minh	Tú	31/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-2	2019-2023
124	61131478	Phan Thị Xuân	Tuyển	29/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
125	61132249	Lê Phương	Uyên	29/03/2001	Lâm Đồng	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
126	61132251	Nguyễn Thị Lệ	Uyên	23/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
127	61132257	Lê Thị Thanh Vân	08/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
128	61132272	Trương Thành Vinh	15/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61.QTKS-2	2019-2023
129	61131589	Phạm Thị Tường Vy	01/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
130	61132291	Nguyễn Thị Út Xuyên	24/08/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
131	61131621	Nguyễn Thị Kim Yển	09/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-2	2019-2023
132	61130010	Võ Thành An	21/03/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
133	61131627	Trương Hoài An	01/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTKS-3	2019-2023
134	61131639	Nguyễn Thị Vân Anh	09/02/2001	Hung Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
135	61133032	Đặng Thị Hồng Cẩm	05/03/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-3	2019-2023
136	61130076	Thiều Thị Minh Châu	18/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
137	61130099	Nguyễn Hoàng Thế Cường	27/03/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
138	61130148	Nguyễn Ngọc Diễm	11/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
139	61131702	Trần Thị Mỹ Dung	18/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
140	61132920	Lê Minh Duy	15/08/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
141	61130194	Đặng Thị Thảo Duyên	25/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
142	61131709	Cao Thị Mỹ Duyên	11/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
143	61131714	Nguyễn Thị Thùy Duyên	25/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
144	61130159	Lê Thị Khánh Đoan	17/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
145	61132486	Tô Thị Giang	22/07/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-3	2019-2023
146	61133063	Nguyễn Vũ Ngân Hà	11/12/2001	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
147	61130238	Dương Thị Ngọc Hải	19/12/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
148	61132327	Lê Thanh Hân	01/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
149	61133067	Nguyễn Thúy Hân	10/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
150	61131745	Nguyễn Thị Thanh Hằng	08/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
151	61131747	Trần Thanh Hằng	19/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
152	61130264	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	29/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
153	61130269	Lưu Thị Quyền Hào	06/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
154	61130280	Nguyễn Khánh Hiền	16/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
155	61130305	Nguyễn Ngọc Hiếu	20/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
156	61133721	Trần Thị Thu Hương	10/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
157	61133086	Nguyễn Thị Thanh Huyền	12/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
158	61131849	Nguyễn Thùy Thúy Lan	29/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
159	61130511	Lê Trương Ngọc	Linh	10/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
160	61131879	Võ Thị Mỹ	Linh	28/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
161	61131904	Nguyễn Thị Yến	Ly	22/07/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
162	61132530	Mai Lê Ánh	Minh	01/09/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
163	61132649	Đỗ Thị Trà	My	18/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
164	61130623	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	17/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
165	61130668	Võ Kim	Ngân	21/11/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
166	61130671	Võ Thị Thanh	Ngân	16/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
167	61132421	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	22/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
168	61130698	Phạm Thanh Bích	Ngọc	26/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
169	61131965	Lê Hoàng Thảo	Nguyên	20/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
170	61132952	Lê Thị Thanh	Nhàn	19/04/1999	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
171	61131988	Phạm Thị Huyền	Nhi	03/10/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
172	61134113	Trần Thị Yến	Nhi	13/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
173	61134121	Bùi Kiều Quỳnh	Như	05/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-3	2019-2023
174	61132009	Lê Thị Bích	Nhung	15/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
175	61134142	Trần Thị Mỹ	Nhung	25/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
176	61130902	Phan Thị Tuyết	Phương	05/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
177	61132962	Lê Kim	Quỳnh	23/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
178	61132058	Phạm Thị Diễm	Quỳnh	06/08/2001	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
179	61134258	Ngô Trịnh Như	Quỳnh	30/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-3	2019-2023
180	61131000	Nguyễn Hồ Khánh	Sử	05/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
181	61132096	Hồ Hồng	Thắm	21/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
182	61132104	Lê Phúc	Thành	09/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
183	61132695	Võ Thị Thơ	Thi	25/12/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
184	61134411	Trương Thị Tuyết	Thoa	23/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
185	61132148	Võ Thị Minh	Thư	08/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
186	61132377	Nguyễn Ngọc Anh	Thư	10/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
187	61132855	Trần Minh	Thuận	29/04/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
188	61131227	Nguyễn Thị	Thúy	06/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
189	61132165	Trần Thị Thanh	Thy	16/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
190	61131320	Võ Thị Bích	Trâm	08/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
191	61132176	Diệp Từ Bảo	Trâm	16/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
192	61134532	Trương Hoàn Bảo	Trâm	23/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
193	61132199	Nguyễn Trần Phương	Trân	18/09/2001	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
194	61133200	Nguyễn Thu	Trang	13/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
195	61131384	Huỳnh Nguyễn Thảo	Trinh	23/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
196	61131397	Trần Thị Tuyết	Trinh	03/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
197	61132241	Trần Thị Nhã	Tuyền	28/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
198	61131491	Lâm Thảo	Uyên	19/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
199	61134681	Đinh Nguyên	Văn	15/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
200	61131571	Lê Hồ Mỹ	Vy	10/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
201	61131593	Trần Hà Thảo	Vy	23/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
202	61132724	Phạm Nguyễn Yến	Vy	29/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
203	61131604	Kiều Nguyễn Như	Ý	22/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
204	61132599	Phạm Thị Hoài	Yên	01/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-3	2019-2023
205	61130012	Trần Thị Hoài	Ân	09/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
206	61131700	Trần Thị	Dung	05/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
207	61133236	Trần Nhật	Duy	21/08/2001	Đắk Lắk	Nam	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
208	61130161	Nguyễn Vũ Khánh	Đoan	19/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
209	61130214	Cao Thị Cẩm	Giang	10/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
210	61132405	Trịnh Gia	Hân	03/03/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
211	61131746	Tăng Thị Thanh	Hằng	27/06/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
212	61132622	Lương Thị Mỹ	Hạnh	06/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
213	61130284	Phạm Thị Lệ	Hiền	26/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
214	61131771	Đỗ Nguyễn Thu	Hiếu	27/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
215	61133660	Lê Thị	Hoài	10/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
216	61133708	Lê Thành	Hung	28/01/2001	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
217	61131814	Trần Quốc	Huy	03/04/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
218	61130515	Nguyễn Hoàng Khánh	Linh	02/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
219	61131911	Nguyễn Ngọc Diệu	Mẫn	11/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
220	61131931	Hồ Diệu Thu	Ngân	15/11/2001	Ninh Thuận	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
221	61130699	Phạm Thị Minh	Ngọc	05/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
222	61130700	Phan Nguyễn Thảo	Ngọc	24/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
223	61131968	Phạm Trần Phúc	Nguyên	21/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
224	61130742	Huỳnh Tấn	Nhật	01/01/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
225	61130774	Phan Ý	Nhi	11/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
226	61131991	Trần Uyên	Nhi	29/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
227	61130787	Ngô Vũ Hoài	Nhiên	28/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
228	61131994	Nguyễn Thị	Nhiên	26/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
229	61131998	Lê Thanh Quỳnh	Như	20/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
230	61134129	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	09/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
231	61134144	Trương Thị Hồng	Nhung	10/04/2001	Nghệ An	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
232	61133304	Nguyễn Quốc Huy	Phong	19/11/2001	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
233	61130910	Nguyễn Lâm Thái	Phượng	19/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
234	61132031	Lê Diễm Khánh	Phương	18/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
235	61134199	Bùi Thị Ánh	Phương	25/06/2001	Tiền Giang	Nữ	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
236	61134217	Nguyễn Thị	Phượng	10/08/2001	Hà Tĩnh	Nữ	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
237	61130965	Nguyễn Lê Khã	Quỳnh	28/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
238	61132060	Phan Thạch Như	Quỳnh	06/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
239	61132441	Nguyễn Hà	Rin	27/01/2001	Phú Yên	Nam	Giỏi	61.QTKS-4	2019-2023
240	61131094	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	10/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
241	61131112	Lê Thị Phương	Thị	18/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
242	61132149	Nguyễn Ngọc	Thụ	07/03/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
243	61131255	Trần Khánh	Tiên	10/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
244	61131301	Hồ Thị Hoàng	Trâm	11/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
245	61132180	Lương Thị	Trâm	15/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
246	61132215	Lê Mai Phương	Trình	01/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
247	61131422	Nguyễn Quốc	Trung	02/10/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
248	61132732	Nguyễn Thị Hồng	Tuyên	14/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
249	61131483	Nguyễn Thị Mỹ	Tuyết	30/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
250	61131492	Lê Cao Tú	Uyên	24/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
251	61131537	Trần Thị Kiều	Vi	22/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
252	61131572	Lê Hoàng Nam	Vy	24/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
253	61131596	Trương Thị Khánh	Vy	06/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
254	61133223	Nguyễn Thị Thảo	Vy	04/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
255	61131609	Từ Nguyễn Như Ý	10/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-4	2019-2023
256	61133285	Đặng Văn Bảo	20/04/2001	Phú Yên	Nam	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
257	61133400	Lương Thị Bích	03/03/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
258	61131657	Trần Thị Hoàng Châu	11/11/2001	Quảng Bình	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
259	61130090	Nguyễn Thị Chinh	27/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
260	61131687	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	11/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
261	61133516	Lê Thị Thùy Dung	18/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
262	61130196	Huỳnh Mai Mỹ Duyên	19/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
263	61130201	Nguyễn Hà Mỹ Duyên	10/08/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
264	61131715	Nguyễn Trần Bảo Duyên	12/11/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
265	61132885	Lê Huyền Nhã Duyên	17/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
266	61131692	Nguyễn Huỳnh Phương Đoan	12/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
267	61131732	Phạm Thị Hải	03/09/2001	Hà Tây	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
268	61130245	Nguyễn Hoài Yến Hân	30/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTKS-5	2019-2023
269	61133068	Trần Thanh Hân	25/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
270	61131750	Trương Nguyễn Thu Hằng	21/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
271	61131757	Trần Thị Thanh Hào	20/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
272	61131761	Nguyễn Thị Mai Hiền	10/09/2000	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
273	61131796	Phạm Thị Thanh Huệ	19/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
274	61130370	Lê Thị Thùy Hương	16/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
275	61131853	Trần Thị Phúc Lập	04/12/2001	Đồng Nai	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
276	61130524	Phạm Mạnh Nhật Linh	28/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
277	61131867	Huỳnh Ngọc Linh	31/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
278	61133937	Trần Thị Tuyết Mai	04/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
279	61130597	Nguyễn Thị Thanh My	05/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
280	61133983	Đặng Hoàng Nam	09/08/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
281	61134019	Phan Đình Thúy Ngân	07/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
282	61130746	Bùi Thị Ánh Nhi	11/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
283	61130779	Trần Thị Yến Nhi	02/03/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
284	61132429	Nguyễn Thị Tịnh Nhi	05/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
285	61130790	Huỳnh Như	17/07/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
286	61132002	Phan Thị Tiên Như	02/04/2001	Đắk Lắk	Nữ	Trung bình	61.QTKS-5	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
287	61130817	Đỗ Thị Hồng	Nhung	13/04/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
288	61132013	Nguyễn Thị Việt	Nhung	17/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
289	61130831	Trương Thị Bích	Nhụy	07/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
290	61132016	Võ Thị Hương	Nữ	20/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
291	61132036	Trần Thu	Phương	23/11/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
292	61130975	Phạm Uy	Quỳnh	10/07/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
293	61132689	Nguyễn Thị	Thanh	22/05/2001	Đắk Lắk	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
294	61131114	Ngô Thanh Bích	Thị	17/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
295	61132129	Nguyễn Thị Ngọc	Thiện	13/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
296	61131167	Bùi Phúc Minh	Thư	27/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
297	61131182	Nguyễn Lê Hoàng	Thư	17/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
298	61131220	Trần Thị Hiền	Thương	26/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
299	61132156	Võ Thanh	Thúy	21/02/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
300	61132167	Ngô Thị	Tiên	10/11/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
301	61133307	Võ Thị Cẩm	Tiên	09/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
302	61132184	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	18/08/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
303	61131331	Trần Nguyễn Bảo	Trân	12/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
304	61132200	Trần Ngọc Bảo	Trân	30/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
305	61131335	Bùi Thị Yên	Trang	03/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
306	61132204	Đoàn Thị Huyền	Trang	28/10/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
307	61134542	Bùi Quỳnh	Trang	30/09/2001	Thanh Hóa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
308	61132713	Lưu Lê Phương	Trinh	07/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
309	61133208	Nguyễn Quốc	Trung	11/12/2001	Khánh Hòa	Nam	Giỏi	61.QTKS-5	2019-2023
310	61131502	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	10/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
311	61133216	Nguyễn Nhật Phương	Uyên	11/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
312	61131578	Nguyễn Hồng	Vy	17/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
313	61132278	Lê Triệu	Vy	16/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
314	61133282	Đặng Thị Mỹ	Vy	01/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
315	61132293	Nguyễn Hoàng Như	Ý	13/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-5	2019-2023
316	61131658	Bùi Thị Cẩm	Chi	29/10/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
317	61130151	Mạnh Trúc	Diệp	16/12/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
318	61130199	Lê Trần Thùy	Duyên	11/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
319	61132614	Phạm Thị Mỹ	Đoan	30/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
320	61131726	Trần Thị	Giàu	09/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
321	61131734	Lương Thị Vân	Hải	25/04/2001	Quảng Trị	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
322	61133069	Phan Thị Thanh	Hằng	25/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
323	61131762	Nguyễn Thị Thúy	Hiền	19/06/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
324	61132741	Đinh Lê Huy	Hoàng	20/05/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
325	61131797	Trần Thị Kim	Huệ	16/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
326	61131804	Ngô Thị	Hương	15/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
327	61130490	Trần Nhật	Lệ	20/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
328	61131868	Lê Kiều Nhật	Linh	13/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
329	61133000	Trần Thị Huỳnh	Linh	29/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
330	61130603	Phan Thị	My	18/07/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
331	61131929	Huỳnh Hoàng Thúy	Nga	18/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
332	61130648	Nguyễn Thị Bích	Ngân	23/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
333	61130681	Đặng Hồng	Ngọc	01/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
334	61131955	Hoàng Nguyễn Bảo	Ngọc	24/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
335	61132951	Trần Thảo	Nguyên	17/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
336	61130749	Đặng Lê Yến	Nhi	31/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
337	61130750	Đặng Thị Thu	Nhi	29/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
338	61130782	Võ Thị Uyển	Nhi	28/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
339	61130786	Phạm Thị Kim	Nhi	03/07/2001	Phú Yên	Nữ	Trung bình	61.QTKS-6	2019-2023
340	61134083	Đặng Lê Nguyệt	Nhi	17/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
341	61130777	Trần Tâm	Nhi	22/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
342	61130791	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	01/01/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
343	61132004	Trần Huỳnh Ngọc	Như	08/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
344	61132604	Trần Thị Bích	Như	05/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
345	61130818	Đồng Thị Cẩm	Nhung	08/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
346	61130821	Lê Thị Phương	Nhung	02/06/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
347	61130879	Nguyễn Hoàng Ngọc	Phụng	19/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
348	61132360	Lương Thị Tuyết	Phượng	21/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
349	61132051	Đặng Đoan	Quỳnh	14/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
350	61132480	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	11/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên		Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
351	61132683	Đào Thị Như	Tài	19/05/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
352	61132684	Lê Văn	Tài	26/06/2001	Bình Phước	Nam	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
353	61133171	Nguyễn Nhật	Thăng	25/11/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
354	61132372	Nguyễn Xuân Nhật	Thảo	10/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
355	61134375	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	21/04/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
356	61132976	Trần Thị Hoài	Thu	25/06/2001	Thái Bình	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
357	61132701	Tô Thị Kiêm	Thúy	17/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
358	61134477	Dương Trần Thủy	Tiên	30/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
359	61131332	Trương Thị Bảo	Trân	24/05/2001	Tây Ninh	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
360	61131340	Đoàn Thị Kim	Trang	18/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
361	61132206	Nguyễn Thị Thùy	Trang	13/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTKS-6	2019-2023
362	61132243	Nguyễn Ngọc Ánh	Tuyết	03/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61.QTKS-6	2019-2023
363	61131504	Nguyễn Thu	Uyên	22/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
364	61134664	Nguyễn Nhật Hạ	Uyên	24/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
365	61131518	Lưu Thị Mỹ	Vân	04/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
366	61131540	Võ Thị Bích	Viên	17/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
367	61131581	Nguyễn Lê Hà	Vy	16/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
368	61132282	Nguyễn Thị Yến	Vy	01/10/2000	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-6	2019-2023
369	61134722	Lê Thị Thanh	Vy	21/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-6	2019-2023
370	61132726	Trần Thị Như	Ý	07/11/2001	Bình Định	Nữ	Trung bình	61.QTKS-6	2019-2023
371	61130023	Nguyễn Thị Hoàng	Anh	24/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
372	61131740	Lê Nguyễn Mỹ	Hằng	28/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
373	61131779	Đào Thị Mỹ	Hòa	29/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
374	61133680	Phạm Huy	Hoàng	04/03/2001	Nam Định	Nam	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
375	61131793	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	03/11/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
376	61132331	Nguyễn Thị Thanh Thanh	Huệ	08/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
377	61130369	Huỳnh Thu	Hương	02/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
378	61131805	Nguyễn Thị Yến	Hương	07/06/2001	Phú Yên	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
379	61130409	Huỳnh Thị Hương	Huyền	18/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
380	61131827	Phạm Quốc	Khánh	21/07/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
381	61132937	Trần Ngọc Phương	Lài	22/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
382	61132939	Nguyễn Kim	Lan	20/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
383	61130517	Nguyễn Thị Hồng Linh	02/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
384	61130530	Trần Nguyễn Thị Ngọc Linh	12/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
385	61131866	Huỳnh Hồng Linh	04/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
386	61131869	Lê Tâm Linh	15/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
387	61132415	Nguyễn Khánh Chi Linh	18/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
388	61133892	Lê Minh Lộc	19/09/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
389	61132645	Nguyễn Thị Bích Mận	29/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
390	61132418	Lê Thị Diễm Mi	23/06/2001	Quảng Ngãi	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
391	61130590	Lưu Thị Hồng Mùa	22/12/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
392	61130643	Nguyễn Đăng Kim Ngân	01/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
393	61130652	Nguyễn Thị Thu Ngân	14/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
394	61131934	Hoàng Mỹ Thủy Ngân	06/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
395	61131940	Nguyễn Thị Thu Ngân	08/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
396	61134032	Trần Nguyễn Hồng Nghĩa	27/06/2001	Đắk Lắk	Nam	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
397	61130713	Hồ Thị Kim Nguyên	28/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
398	61130886	Lê Nhất Phương	12/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
399	61130948	Nguyễn Trần Cẩm Quyên	26/08/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
400	61132048	Trần Ngọc Thục Quyên	08/05/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
401	61131041	Võ Thị Hồng Thắm	30/09/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
402	61132106	Trần Thị Mỹ Thanh	04/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
403	61131113	Ngô Quỳnh Anh Thi	28/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
404	61132123	Huỳnh Nguyễn Thu Thị	09/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
405	61131186	Nguyễn Thanh Thu	24/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
406	61132454	Đặng Vũ Anh Thu	13/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
407	61131212	Nguyễn Hoài Thương	08/02/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
408	61132700	Tôn Nữ Hoài Thương	24/12/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
409	61131226	Lê Thị Thanh Thúy	23/01/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
410	61131240	Nguyễn Thị Thu Thủy	29/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
411	61132874	Nguyễn Thị Thanh Thúy	19/08/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
412	61131268	Phan Thị Thanh Tiên	28/01/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
413	61132169	Nguyễn Thủy Tiên	18/10/2001	Quảng Nam	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
414	61133306	Huỳnh Lê Tiên	25/04/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
415	61134479	Lê Thị Tiên	15/01/2001	Bình Định	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
416	61131295	Nguyễn Thanh Trà	02/07/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
417	61132183	Nguyễn Thị Huyền Trâm	03/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
418	61132186	Phạm Thu Lài Trâm	12/08/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
419	61134541	Võ Minh Bảo Trâm	02/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
420	61131341	Hoàng Thị Trang	10/11/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
421	61131371	Trần Thùy Trang	02/09/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
422	61132208	Phạm Nhã Trang	26/03/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
423	61133298	Trần Thị Xuân Trang	20/04/2001	Đắk Lắk	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
424	61134575	Nguyễn Kiều Trinh	21/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
425	61131472	Hứa Thị Thanh Tuyền	08/02/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
426	61131499	Nguyễn Kiều Thục Uyên	20/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
427	61131505	Nguyễn Trúc Uyên	21/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
428	61132983	Phan Huỳnh Phương Uyên	24/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
429	61132264	Đỗ Thị Tường Vi	29/05/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
430	61134692	Phạm Thị Lệ Viên	07/10/2001	Phú Yên	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
431	61131575	Lê Thúy Vy	07/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
432	61132277	Lê Thúy Vy	07/10/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
433	61133224	Trần Thị Cẩm Vy	21/09/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
434	61134723	Lê Thúy Vy	11/11/2001	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61.QTKS-7	2019-2023
435	61131611	Võ Ngọc Ý	27/06/2001	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023
436	61134745	Kỳ Khả Ý	30/07/2000	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	61.QTKS-7	2019-2023

Danh sách có 436 sinh viên

3. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (liên thông từ Cao đẳng)

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62180053	Nguyễn Anh Thạch Thảo	02/07/1996	Khánh Hòa	Nữ	Giỏi	62D.QTDL	2020-2022

Danh sách có 01 sinh viên

4. Quản trị Khách sạn (liên thông từ Cao đẳng)

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	62180062	Đỗ Ngọc Sơn	06/12/1998	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	62D.QTKS	2020-2022

Danh sách có 01 sinh viên

DANH SÁCH TỐT NGHIỆP QUÝ III NĂM 2023

Theo Quyết định số 791 /QĐ-ĐHNT ngày 17 tháng 7 năm 2023

Loại hình đào tạo: Cao đẳng chính quy

1. Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	60161918	Nguyễn Duy Lưu	12/11/2000	Phú Yên	Nam	Trung bình	60C.QTDL-4	2018-2021
2	60161144	Trịnh Thị Cao Thương	20/12/1999	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-5	2018-2021
3	60162254	Hoàng Thị Tường Vy	08/04/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	60C.QTDL-5	2018-2021
4	61160900	Nguyễn Thị Trâm	06/12/2000	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61C.QTDL	2019-2022
5	61161450	Phùng Thị Anh Trân	20/07/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61C.QTDL	2019-2022

Danh sách có 05 sinh viên

2. Quản trị Khách sạn

TT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Nơi sinh	GT	Xếp loại	Mã lớp	Khóa học
1	61161399	Nguyễn Thu Minh	11/04/2001	Khánh Hòa	Nữ	Trung bình	61C.QTKS-1	2019-2022
2	61160927	Nguyễn Thành Trung	20/02/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.QTKS-1	2019-2022
3	61160876	Ngô Nguyễn Nhật Thảo	28/05/2000	Khánh Hòa	Nữ	Khá	61C.QTKS-2	2019-2022
4	61132236	Liêu Văn Tùng	07/10/1998	Đắk Lắk	Nam	Trung bình	61C.QTKS-2	2019-2022
5	61161471	Lữ Nhĩ Kỳ	20/06/2001	Khánh Hòa	Nam	Trung bình	61C.QTKS-3	2019-2022

Danh sách có 05 sinh viên